

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 04/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;
- Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 – 2030;

- Kế hoạch hành động số 283-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

- Kế hoạch hành động số 01-KH/BCĐ ngày 11/7/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về “triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh”;

- Kế hoạch hành động số 02-KH/BCĐ ngày 06/11/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về “tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”;

- Kế hoạch hành động số 07-KH/BCĐ ngày 25/6/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về “thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Đắk Lắk”;

- Quyết định số 02239/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh về phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk - Lấy phát triển dữ liệu số làm trọng tâm giai đoạn 2025 - 2030;

- Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Đắk Lắk;

- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 06/01/2026 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030;

- Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là động lực của chuyển đổi số. Phát triển chính quyền số hiệu lực, hiệu quả; thúc đẩy kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; xây dựng xã hội số phát triển văn minh, an toàn, bao trùm.

Từng bước hình thành nền tảng dữ liệu số thống nhất, hạ tầng số hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; qua đó nâng cao năng lực quản lý Nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn với đặc thù vùng Tây Nguyên và điều kiện thực tiễn của tỉnh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Đến năm 2027

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính Nhà nước.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính Nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.
- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

b) Đến năm 2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.
- 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng

tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan Nhà nước công bố.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan Nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

- Ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV... vào vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh. Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại tỉnh.

- Có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.
- Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 80%.

2.3. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt trên 90%.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

(Phân công theo dõi, thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Tiếp tục thực hiện triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp và chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị và Chương trình phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

2. Thể chế, chính sách số

- Thường xuyên rà soát, cập nhật định kỳ trong quá trình triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số và các văn bản của Chính phủ, văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực và của tỉnh nhằm thúc đẩy và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chính quyền số của tỉnh phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số như chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập....

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu do tỉnh quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. Quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Nhà nước theo nguyên tắc “Dữ liệu của cơ quan Nhà nước mặc định mở và chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác”; danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

- Ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin thay vì đầu tư mua sắm phần cứng, giúp linh hoạt và tối ưu chi phí.

3. Hạ tầng số

- Chuyển đổi IPv6 toàn diện theo Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu là đạt tỷ lệ 90 - 100% sử dụng IPv6 vào năm 2030, tiến tới tắt bỏ hoàn toàn IPv4.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng để sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng di động 4G, 5G trên diện rộng; phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch; triển khai các nhiệm vụ giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh cho người dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai hạ tầng IoT (Internet vạn vật) tích hợp vào các công trình giao thông, điện, nước, môi trường để phục vụ đô thị thông minh bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Quy hoạch và chuyển dịch hệ thống thông tin của tỉnh lên các nền tảng điện toán đám mây đạt chuẩn của doanh nghiệp trong nước, hạn chế tối đa việc đầu tư phòng máy chủ nhỏ lẻ tại đơn vị theo chiến lược “Cloud First” (Ưu tiên đám mây).

- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS...) kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các Trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Tập trung rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: Xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

- Rà soát bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, trung tâm lưu trữ dữ liệu...).

- Tổ chức triển khai các mạng diện rộng (WAN) của tỉnh sử dụng hạ tầng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Đầu tư bổ sung, nâng cấp đảm bảo và vận hành ổn định, hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu mới và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

4. Nhân lực số

- Duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, Chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã/phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số. Tập huấn, hướng dẫn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, buôn, tổ dân phố, sử dụng các dịch vụ số.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, AI; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; AI; về an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan Nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển dữ liệu số

- Duy trì, mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống Nền tảng triển khai chính quyền điện tử của tỉnh phục vụ kết nối các nền tảng dùng chung của tỉnh và các bộ, ngành; mở rộng kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia với hệ thống Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu (NDAP) cấp tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; hệ thống Hợp không giấy trên địa bàn tỉnh; hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa phương kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức ứng dụng AI trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

- Triển khai cơ sở dữ liệu tổng hợp về ngành, lĩnh vực (Tập trung dữ liệu từ các ngành, lĩnh vực trọng điểm: Đất đai, Xây dựng, Y tế, Giáo dục, Văn hóa, Công thương, Doanh nghiệp ...); Cổng thông tin dữ liệu mở và công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới; nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và tổ chức.

- Xây dựng kho học liệu số, học liệu mở ngành Giáo dục và hoàn thiện học bạ số, văn bằng số kết nối quốc gia.

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia; duy trì hệ thống SOC theo mô hình 4 lớp để bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống lộ lọt dữ liệu. Tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp); tổ chức đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin của tỉnh định kỳ theo quy định; hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Tổ chức Diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh; đảm bảo hoạt động mạng lưới an toàn thông tin của tỉnh, kết nối thường xuyên với mạng lưới quốc gia.

- Ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến (Deepfake).

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tích hợp AI vào hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để hỗ trợ người dân (Trợ lý ảo hướng dẫn thủ tục hành chính). Sử dụng AI để tự động hóa quy trình: Tự động điền biểu mẫu (pre-fill) từ cơ sở dữ liệu dân cư; tự động kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; tự động soạn thảo dự thảo kết quả.

- Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Nâng cấp các Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC). Không chỉ dừng lại ở việc hiển thị biểu đồ thống kê (Descriptive Analytics) mà phải tiến tới phân tích dự báo (Predictive Analytics) và cảnh báo sớm các vấn đề kinh tế - xã hội.

- Triển khai hệ thống giám sát, điều hành thông minh của tỉnh, đảm bảo thông tin hiển thị trực quan trên Dashboard điều hành, quản lý, giám sát của tỉnh; hệ thống thông tin, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW tại tỉnh; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, kết luận phục vụ theo dõi nhiệm vụ của lãnh đạo UBND tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

- Ứng dụng AI trong hoạt động chuyên môn, góp phần phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng AI, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức

- Triển khai trợ lý ảo trong cơ quan Nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

- Ứng dụng AI trong công tác chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực (Văn hóa, Du lịch, Y tế, Giáo dục, Công Thương...) để nâng cao hiệu quả quản lý và hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo từng lĩnh vực, ngành.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Kinh tế số

- Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai thanh toán điện tử; thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số. Trong đó, hỗ trợ, đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Quyết định số 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chí đánh giá - mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các giải pháp công nghệ, ứng dụng nền tảng số để chuyển đổi số, phù hợp theo định hướng của quốc gia.

- Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng AI, chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Big Data) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

8.2. Xã hội số

- Hướng dẫn, công bố cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Giám sát, kiểm tra các hệ thống thông tin có sử dụng chữ ký số kết nối Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định tại Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Triển khai các Chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm theo nhiệm vụ Chính phủ giao năm 2025 tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ với một số lĩnh vực trọng tâm như:

+ Y tế thông minh - Phát triển hệ thống y tế thông minh theo lộ trình phù hợp, từng bước mở rộng phạm vi và mức độ số hóa, ứng dụng công nghệ số, AI và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân.

+ Giáo dục thông minh - Xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, AI nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; triển khai các hoạt động học từ làm việc thực tế.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ số và các giải pháp khoa học - công nghệ phù hợp để nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (*thường xuyên, định kỳ*), theo

sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số...

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo về chuyển đổi số của tỉnh; ban hành các chương trình, kế hoạch hoạt động về Chuyển đổi số.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của Ban chỉ đạo về triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động Chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Người đứng đầu các cơ quan, lĩnh vực, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm triển khai các mục tiêu và nhiệm vụ chuyển đổi số; thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện công tác chuyển đổi số; xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động về chuyển đổi số tại đơn vị và địa phương đồng bộ hằng năm; quan tâm dành kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các khóa đào tạo, tập huấn về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, xây dựng và phát triển đô thị thông minh. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ chính quyền số, đô thị thông minh.

- Nghiên cứu và đưa vào triển khai các nền tảng số vào các kênh truyền thông xã hội, phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh

nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội.

- Tăng tỷ lệ phổ cập điện thoại thông minh đến với người dân nhằm giúp người dân tiếp cận nhanh và sâu rộng hơn với công cuộc chuyển đổi số hiện nay.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để huy động nguồn lực (doanh nghiệp đầu tư, Nhà nước thuê dịch vụ, hợp tác công tư, ...) để triển khai xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng số phục vụ triển khai, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức tập huấn quản trị dữ liệu cơ bản cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan Nhà nước; cử công chức tham gia khóa đào tạo chuyển đổi số do Bộ, ngành Trung ương chủ trì tổ chức. Tăng cường phối hợp với các tập đoàn Công nghệ lớn triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở... tiến tới làm chủ các công nghệ số tiên tiến trong việc xây dựng các sản phẩm, dịch vụ quan trọng phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các xu hướng chuyển đổi số. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển các nền tảng, các sản phẩm nội dung số thương hiệu Việt.

- Hợp tác trong và ngoài nước; tham quan, học tập, kinh nghiệm các nước, các địa phương có mô hình chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện, thành công. Nghiên cứu học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố đi đầu trong chuyển đổi số xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- Nghiên cứu, đề xuất, triển khai chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, các nền tảng số phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng công nghệ mới: AI, chuỗi khối (blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data)...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách Nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả. –

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng Chính phủ số với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động liên quan đến môi trường số cơ hội chuyển qua các loại mô hình kinh tế có tính đột phá cao (như kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ...); hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực mạng lưới hạ tầng số của tỉnh, bổ sung dịch vụ, nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo yêu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan Nhà nước và người dân, doanh nghiệp. Doanh nghiệp bưu chính đẩy mạnh thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; triển khai mã bưu chính Vpostcode; tham gia tích cực phát triển thương mại điện tử của tỉnh.

- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành (kinh phí chi thường xuyên, kinh phí đầu tư phát triển); nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình đề án có liên quan, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cho ý kiến về nội dung chuyên môn đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Căn cứ Kế hoạch này, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của tỉnh; nghiên cứu, đề xuất bổ sung các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin nhằm triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai; tham mưu công tác sơ tổng kết định kỳ.

- Chủ trì triển khai, phối hợp các cơ quan, đơn vị tăng cường truyền thông trên các cơ quan thông tin đại chúng báo, đài, mạng Internet, mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và xã hội; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho UBND tỉnh và Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, viễn thông và công tác an toàn thông tin.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước, tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này phù hợp quy định pháp luật về ngân sách Nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư để thực hiện Kế hoạch này phù hợp quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách Nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của tỉnh, các sở, ban ngành, địa phương chủ động ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể các nhiệm vụ, kinh phí và thời gian hoàn thành các nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, nội dung yêu cầu đề ra bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm góp phần đạt các chỉ tiêu được xác định trong Kế hoạch này.



- Theo chức năng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu được xác định trong Kế hoạch này, các sở, ban ngành, địa phương xây dựng dự toán triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin gửi cơ quan tài chính, trình cấp có thẩm quyền xem xét; đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trong Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số dự kiến thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 (*Phụ lục II kèm theo*).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: *Chức năng*

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ KH&CN (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Thuế tỉnh;
- Mặt trận, các Hội đoàn thể;
- Các cơ quan báo đài;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các Phòng, TT: TH, HCQT, PV HCC tỉnh, CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DỐI, THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
PHẦN ĐẦU HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 95 /KH-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
I	Đến năm 2027			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
5	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính Nhà nước	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính Nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
8	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	50%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
II	Đến năm 2030			
9	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	99%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
10	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
11	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
12	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan Nhà nước công bố	70%	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
13	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
14	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
15	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
16	Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
17	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
19	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
20	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
21	Tỷ lệ phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường ... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
22	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
23	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
24	Tỷ lệ các cơ quan Nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
25	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh
26	Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	30%	Thống kê tỉnh; Các doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
27	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	20%	Các doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
28	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Thuế tỉnh	Các doanh nghiệp
29	Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	80%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các doanh nghiệp
30	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	95%	Sở Y tế	UBND các xã, phường
31	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh; UBND các xã, phường
32	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
33	Tỷ lệ dân số được phủ sóng Mạng băng rộng di động 5G	99%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND các xã, phường
34	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp viễn thông
35	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
36	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet được phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND các xã, phường
37	Phân đầu có đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP)	01 dự án	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 95 /KH-UBND ngày 25 / 3 /2026 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	NHIỆM VỤ VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ			
1	Chi hoạt động Ban Chỉ đạo, Hội nghị định kỳ, sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, ... và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	UBND các xã, phường	Thường xuyên	
2	Tổ chức họp Ban Chỉ đạo, kiểm tra định kỳ tiến độ các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	
3	Vận hành, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa phương kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
4	Rà soát, nâng cấp cổng thông tin điện tử tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin và phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền, hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
II	NHIỆM VỤ VỀ THẺ CHẾ SỐ, CHÍNH SÁCH SỐ			
1	Rà soát, cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn của Trung ương về chuyển đổi số trong hoạt động chuyển đổi số ngành, lĩnh vực để áp dụng tại địa phương	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	
2	Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về quản lý, khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
3	Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử/kiến trúc số tỉnh Đắc Lắc	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
4	Xây dựng quy trình điện tử 100% trong điều hành của ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
5	Ban hành Quy chế quản trị dữ liệu, quản lý và khai thác Học bạ số và sử dụng AI trong giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
6	Xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2027	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7	Xây dựng, triển khai chính sách hỗ trợ, cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh	Sở Tài chính; Thuế tỉnh	2026	
III	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ			
1	Xây dựng hệ thống mạng WAN tỉnh Đắk Lắk	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
2	Thuê đường truyền Leased line	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
3	Dịch vụ bảo hành mở rộng DELL POWEREDGE R730 thời hạn 01 năm (06 máy chủ)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
4	Thuê đường truyền kênh trắng từ IOC đến Sở KHCN (08 Lý Thái Tổ)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
5	Thiết bị lưu trữ cho Trung tâm tích hợp dữ liệu (Nâng cấp hệ thống lưu trữ, RAM máy chủ phục vụ triển khai chính quyền 2 cấp)	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
6	Thiết bị tường lửa, thiết bị Backup	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
7	Gia hạn 12 tháng sử dụng đường truyền VNN trực tiếp (kênh riêng Leased)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
8	Gia hạn 12 tháng sử dụng đường truyền Lease line của tỉnh (đường số 2)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
9	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
10	Đầu tư, khai thác nền tảng số và hệ thống quản lý giáo dục dùng chung toàn ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
11	Trang bị thiết bị dạy học thông minh và mạng Wifi lớp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
12	Triển khai, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở giáo dục vùng sâu, vùng xa	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
13	Chuyển dịch hệ thống thông tin giáo dục lên nền tảng đám mây trong nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	2027 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
14	Chi dịch vụ và mua sắm máy móc, trang thiết bị chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù	Văn phòng UBND tỉnh	2026	
15	Nâng cấp hệ thống thông tin mạng nội bộ UBND tỉnh đảm bảo an toàn thông tin mạng (bao gồm cả hạ tầng đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh	2026 - 2030	
16	Nâng cấp trang thiết bị, kịp thời khắc phục sự cố hạ tầng công nghệ thông tin của đơn vị	Sở Công Thương	2026	
17	Phát triển, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ lưu trữ, kết nối và chia sẻ dữ liệu ngành Công Thương đồng bộ với hạ tầng số dùng chung của tỉnh	Sở Công Thương	2026 2028	
18	Xây dựng và triển khai ứng dụng IoT trong ngành Xây dựng, giao thông thông minh	Sở Xây dựng	2026 - 2030	02239/QĐ-UBND
19	Nâng cấp Hệ thống mạng nội bộ (LAN)	Sở Xây dựng; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính	2026-2030	
20	Đầu tư phòng họp trực tuyến	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026-2030	
21	Đầu tư, mua sắm, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mua sắm, sửa chữa và thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính	Hàng năm	
22	Nâng cấp hệ thống mạng kết nối với hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia	Sở Tài chính	2026	
23	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo ứng dụng chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh	Sở Tài chính	2026	
24	Nâng cấp hệ thống phòng họp trực tuyến	Sở Tài chính	2027	
25	Sửa chữa, cải tạo mạng LAN (trụ sở 01 Tú Xương)	Sở Nội vụ	2026	
26	Triển khai các mạng diện rộng sử dụng hạ tầng và duy trì kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng, dùng chung	UBND các xã, phường	2026	
27	Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật; mua sắm, sửa chữa và thay thế trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức: Hệ thống mạng; hệ thống âm thanh; Camera, máy vi tính, máy in, máy tính bảng, máy scan, tivi, máy chiếu, máy photocopy	UBND các xã, phường	Thường xuyên	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
28	Nâng cấp, đầu tư, mua sắm, thay thế trang thiết bị và duy trì hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn xã/phường	UBND các xã, phường	Thường xuyên	
29	Đầu tư máy, thiết bị đọc thông tin QR Code trên CCCD; Màn hình hiển thị mã QR thanh toán trực tuyến	UBND các xã, phường	2026 - 2027	
30	Lắp đặt, nâng cấp và duy trì đường truyền Internet và hệ thống Wifi tại Đảng ủy - HĐND - UBND xã/phường, tại các điểm trung tâm, điểm đông người; tại các nhà sinh hoạt cộng đồng và hội trường của các thôn, buôn, khu phố trên địa bàn xã/phường	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
31	Đầu tư, nâng cấp và duy trì Hệ thống bốc số/Kiosk bốc số tự động	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
32	Lắp đặt hệ thống đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với trung tâm PVHCC	UBND các xã, phường	2026 - 2027	
33	Lắp đặt Kiosk phục vụ tra cứu thông minh (01 thiết bị) hướng dẫn người dân thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính (AI)	UBND các xã, phường	2026 - 2027	
34	Đầu tư Phần mềm quản lý Tổ dân phố, Buôn	UBND phường Buôn Ma Thuật	2026	
35	Triển khai giải pháp giám sát hiện trạng sử dụng đất và vi phạm xây dựng trái phép	UBND phường Buôn Ma Thuật	2026	
36	Dự án Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã	UBND xã Tây Sơn; xã Xuân Phước	2026 - 2027	
37	Dự án Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến xã	UBND xã Tây Sơn; xã Xuân Phước	2026 - 2027	
38	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các Cơ sở Y tế	Sở Y tế	2026 - 2030	
39	Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh tại các bệnh viện, trung tâm y tế	Sở Y tế	2026 - 2030	
40	Trang bị, nâng cấp máy tính, thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức người lao động	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
41	Mua sắm, nâng cấp, trang bị máy tính cho công chức, viên chức và hệ thống mạng nội bộ Sở và các cơ quan đơn vị trực thuộc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
42	Hoàn thành thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Đắk Lắk	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
43	Hoàn thành kết nối, liên thông Hệ thống thông tin đất đai với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
IV	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC SỐ			
1	Đào tạo nâng cao năng lực công nghệ thông tin của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
2	Bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho 100% Giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2028	
3	Bồi dưỡng chuyên sâu về dữ liệu, AI cho cán bộ công nghệ thông tin ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
4	Tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp dạy học STEM/STEAM, kiến thức cơ bản về AI và lập trình cho giáo viên các cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2028	
5	Tổ chức tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch về: Vai trò của khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong văn hóa, thể thao, du lịch. Cách thức ứng dụng công nghệ mới (AI, VR/AR, dữ liệu lớn...) trong hoạt động Ngành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
6	Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm phổ cập kỹ năng số cơ bản cho 100% cán bộ, công chức, viên chức của Ngành và các đối tượng nòng cốt trong ngành (<i>hướng dẫn viên du lịch, cán bộ thư viện, bảo tàng...</i>), tạo nền tảng nhân lực cho chuyển đổi số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2028	
7	Thuê dịch vụ AI hỗ trợ công chức, viên chức	Sở Nội vụ	2026	
8	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ cơ sở trong ứng dụng, khai thác nền tảng số, cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng xây dựng	Sở Xây dựng	2026 - 2030	
9	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở và các đơn vị trực thuộc	Sở Công Thương	2026 - 2030	
10	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho công chức, viên chức, người lao động của Sở	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	Đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng ứng dụng AI trong chuyên môn, nghiệp vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
12	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về ứng dụng AI, Viễn thám, GIS, IoT cho đội ngũ cán bộ kiểm lâm và quản lý rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
13	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp, người dân và tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã/phường	UBND các xã, phường	Thường xuyên	
14	Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân (kỹ năng sử dụng dịch vụ công, an toàn thông tin, AI cơ bản...).	UBND các xã, phường	Thường xuyên	
V	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ			
1	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung của xã, phường, gồm số hoá tài liệu, dữ liệu dân cư, hộ kinh doanh, cán bộ - công chức, trường học, y tế, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
2	Triển khai hệ thống Hộp không giấy tờ	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
3	Triển khai Cơ sở dữ liệu tổng hợp về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	Quyết định 02239/QĐ-UBND
4	Triển khai Cổng thông tin dữ liệu mở	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	Quyết định 02239/QĐ-UBND
5	Triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu (NDAP) cấp tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	Quyết định 02239/QĐ-UBND
6	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
7	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Phân hệ công khai kế hoạch, quy hoạch tích hợp vào ứng dụng Đắc Lắc trực tuyến và Cổng thông tin phản ánh Tương tác công dân tỉnh Đắc Lắc (01 năm)	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
8	Nâng cấp hệ thống thư điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Xây dựng hoàn thiện Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk kết nối với cơ sở dữ liệu (CSDL) của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2027	Quyết định 02239/QĐ-UBND
10	Hoàn thiện học bạ số, văn bằng số kết nối quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
11	Xây dựng kho học liệu số, học liệu mở ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
12	Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2028	
13	Kết nối, chia sẻ dữ liệu giáo dục với CSDL quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo	2027 - 2030	
14	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành, địa phương kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	2026	
15	Xây dựng, cập nhật và vận hành Hệ thống Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công Thương (bao gồm các danh mục theo quy định như thương mại điện tử, năng lượng, hóa chất, logistics...).	Sở Công Thương	2026 - 2028	
16	Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng	Sở Xây dựng	2026 - 2028	Quyết định số 02239/QĐ-UBND
17	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng xây dựng trên địa bàn tỉnh; kết nối, chia sẻ với hệ thống của Bộ Xây dựng và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Xây dựng	2026 - 2027	
18	Chuẩn hóa danh mục dữ liệu, biểu mẫu, mã định danh công trình kết cấu hạ tầng xây dựng phục vụ quản lý thống nhất, liên thông dữ liệu	Sở Xây dựng	2026	
19	Xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
20	Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
21	Số hóa 3D bảo vật Quốc gia (250 file) và bản đồ nội thị Thị xã Buôn Ma Thuột	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
22	Số hóa “Thuê máy, trang thiết bị và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu 780 hiện vật tiêu biểu và các di tích thuộc quản lý của Bảo tàng Đắk Lắk trên nền tảng ứng dụng kỹ thuật công nghệ số 4.0”	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
23	Chuyển đổi số lĩnh vực karaoke, vũ trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
24	Hình thành hệ thống CSDL ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027	02239/QĐ-UBND
25	Hoàn thiện hệ thống các CSDL chuyên ngành, đảm bảo được số hóa đầy đủ, cập nhật thường xuyên và liên thông, xuyên suốt đến hệ thống của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2028 - 2030	
26	Phần mềm Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	2026	
27	Thuê Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử	Sở Nội vụ	2026	
28	Xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh tế tư nhân để phục vụ cho công tác đánh giá, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển phù hợp cho từng giai đoạn; xây dựng cơ chế phù hợp để chia sẻ hệ thống dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức nghiên cứu, tư vấn, phản biện chính sách	Sở Tài chính	2026	
29	Đồng bộ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương	Sở Tài chính	Hàng năm	
30	Phối hợp với Thanh tra Chính phủ xây dựng, triển khai các Cơ sở liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, gồm: Nền tảng quản lý công tác khiếu nại, tố cáo; Nền tảng số công tác thanh tra và Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	Thanh tra tỉnh	2026 - 2027	
31	Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử, sổ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	2026 - 2030	
32	Triển khai Hệ thống điều phối y tế	Sở Y tế	2026	Bộ Y tế triển khai, hướng dẫn
33	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành y tế	Sở Y tế	2026 - 2027	
34	Xây dựng cẩm nang điện tử thông tin, thực trạng kinh tế – xã hội các dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2030	
35	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành (trừ các CSDL Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang thực hiện)	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
36	Chỉnh lý số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu, tài liệu lưu trữ tại kho Trung tâm Công nghệ thông tin	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
37	Triển khai ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý và giám sát môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
38	Triển khai vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
39	Triển khai cơ sở dữ liệu đất đai từ hai miền hạ tầng Hệ thống thông tin đất đai (VBDLIS) (https://phy.mplis.gov.vn/dc , https://dla.mplis.gov.vn/dc) về một hạ tầng hệ thống thông tin tập trung, thống nhất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
VI	NHIỆM VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG			
1	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin (hệ thống thông tin cấp độ 3) tại Trung tâm Giám sát, Điều hành Đô thị Thông minh (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
2	Dịch vụ phát hiện và ngăn chặn tấn công từ chối dịch vụ tràn băng thông (Volume Based) hỗ trợ 2Gbps cho 02 kênh truyền.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
3	Dịch vụ giám sát DataCenter	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
4	Mua phần mềm bản quyền thiết bị tường lửa tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
5	Dịch vụ phân tích Log, hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin cho trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
6	Thuê chứng thư số SSL cho tên miền: *daklak.gov.vn	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
7	Gia hạn phần mềm và dịch vụ bảo hành cho 02 thiết bị Barracuda Web Application Firewall 460 (EU, IR, Ddos)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
8	Phần mềm hệ thống cPanel Hosting (100 Accounts, thời hạn 01 năm)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
9	Gia hạn phần mềm và dịch vụ bảo hành cho 01 thiết bị Barracuda Email Security Gateway 400	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
10	Gia hạn phần mềm và dịch vụ bảo hành 01 thiết bị Barracuda CloudGen Firewall F400	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	Gia hạn bản quyền phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật Phần mềm NGINX Plus, Professional support thời hạn 01 năm (Hệ thống Proxy điều hướng, giảm tải, tăng tốc và bảo vệ các ứng dụng bên trong hệ thống hosting của trung tâm dữ liệu tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
12	Gia hạn bản quyền phần mềm kèm dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật cho 02 thiết bị cân bằng tải ứng dụng và bảo mật chuyên dụng cho ứng dụng Web Citrix ADC MPX 5901 Standard Edition thời hạn 01 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
13	Gia hạn bản quyền phần mềm kèm dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật cho 02 thiết bị Palo Alto Networks PA-3220 thời hạn 01 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
14	Gia hạn bản quyền phần mềm kèm dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật cho 02 thiết bị FortiGate 600E Bundle thời hạn 01 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	
15	Nâng cấp xây dựng hệ thống mạng nội bộ Văn phòng Sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
16	Xây dựng Hệ thống giám sát an toàn thông tin	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
17	Triển khai giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
18	Số hóa, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu văn bản, chứng chỉ ngành GDĐT tỉnh Đắk Lắk; kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu văn bản, chứng chỉ quốc gia; phục vụ tra cứu, xác thực điện tử.	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
19	Xây dựng hồ sơ cấp độ hệ thống mạng LAN và Trang thông tin điện tử	Sở Tài chính	2026	
20	License cho tường lửa, phần mềm duyệt virus, thiết bị mạng	Sở Tài chính	2026	
21	Từng bước đầu tư nâng cấp máy chủ cài đặt phần mềm trong Thư viện tỉnh Đắk Lắk (máy chủ cơ sở dữ liệu, máy chủ ứng dụng, thiết bị Tường lửa hệ thống mạng)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2028	
22	Đảm bảo an toàn thông tin hệ thống mạng LAN Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (tường lửa, ...)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
23	Nâng cấp hệ thống thông tin Sở VH TT DL và các đơn vị trực thuộc đáp ứng các yêu cầu theo hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin được cấp thẩm quyền phê duyệt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
24	Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
25	Mua phần mềm bản quyền tường lửa thiết bị Cisco (phục vụ trong cơ quan Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh, UBND tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh	2026	
26	Tường lửa; mạng LAN Sở Nội vụ, đề xuất cấp độ	Sở Nội vụ	2026	
27	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp độ an toàn thông tin mạng và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ	Thanh tra tỉnh	2026	
28	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, Trang thông tin điện tử để đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ 2	Sở Y tế	2026 - 2030	
29	Triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo vệ các hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành do Sở Công Thương quản lý	Sở Công Thương	2026 - 2030	
30	Xây dựng và thực thi các quy trình quản lý, vận hành an toàn hệ thống thông tin, đảm bảo an ninh mạng trong mọi hoạt động của ngành	Sở Công Thương	2026 - 2030	
31	Xây dựng và trình phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026-2030	
32	Tham mưu triển khai hồ sơ cấp độ hệ thống mạng LAN và Trang thông tin điện tử của Sở	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
33	Tham mưu đề xuất và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ hệ thống thông tin đã được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
34	Thuê dịch vụ giám sát an ninh mạng tập trung cho tỉnh Đắk Lắk	Công an tỉnh	2026	
35	Xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh Đắk Lắk	Công an tỉnh	2026 - 2027	
36	Triển khai giải pháp sao lưu dữ liệu, phân quyền truy cập, cài đặt phần mềm bảo mật/phòng chống mã độc và kiểm tra định kỳ hệ thống mạng tại UBND	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
37	Mua sắm thiết bị tường lửa, bản quyền tường lửa và hệ thống liên quan Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và kết nối giám sát tập trung theo quy định	UBND các xã, phường	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
VII	NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ			
1.	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
1.1	Xây dựng, nâng cấp, duy trì vận hành Trang thông tin điện tử, App thông tin	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
1.2	Xây dựng/Hiệu chỉnh “hệ thống cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và cấp phép xây dựng” từ thành phố Buôn Ma Thuột thành hệ thống của đơn vị	Phường Tân Lập; phường Đông Hòa; phường Buôn Ma Thuột	2026	
1.3	Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	2026	
1.4	Duy trì Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
1.5	Triển khai Hệ thống trợ lý ảo hỗ trợ Cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
1.6	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	
1.7	Nâng cấp, duy trì vận hành Trang thông tin điện tử của Sở	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026-2030	
1.8	Duy trì vận hành trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.	Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số			
2.1	Thuê hệ thống thông tin, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo 57-NQ/TW ở tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
2.2	Triển khai hệ thống giám sát, điều hành thông minh của tỉnh, đảm bảo thông tin hiển thị trực quan trên Dashboard điều hành, quản lý, giám sát của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
2.3	Bảo trì, bảo dưỡng và hỗ trợ vận hành hệ thống phần mềm quản lý văn bản tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
2.4	Triển khai quản trị số, điều hành thông minh ngành Giáo dục thông qua các nền tảng số	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
2.5	Triển khai hệ thống quản lý và công khai chế độ dinh dưỡng bữa ăn học đường theo Quyết định số 3958/QĐ-BYT ngày 25/12/2025.	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026 - 2030	
2.6	Nâng cấp phần mềm CSDL Công báo tỉnh (theo Kế hoạch số 057/KH-UBND ngày 15/09/2025 của UBND tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh	2026	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.7	Triển khai phòng họp không giấy (theo Kế hoạch số 057/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh)	Văn phòng UBND tỉnh	2026	
2.8	Triển khai Hệ thống theo dõi nhiệm vụ, kết luận phục vụ theo dõi nhiệm vụ của Lãnh đạo UBND tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2026 - 2030	
2.9	Ứng dụng AI (trí tuệ nhân tạo) trong hoạt động chuyên môn, góp phần phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
2.10	Nền tảng số phát triển du lịch thông minh tỉnh Đắk Lắk	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
2.11	Hệ thống phần mềm quản trị Thư viện, tích hợp tra cứu dữ liệu: <i>Nâng cấp phần mềm Thư viện số tập trung cho thư viện tỉnh Đắk Lắk (02 CƠ SỞ); Phần mềm dịch vụ tích hợp, tra cứu tập trung tài liệu thư viện UC.KMS và khai thác mobile (nền tảng iOS, Android); Cơ sở tài liệu số khai thác trực tuyến; Thiết bị nhận dạng khuôn mặt và phần mềm tích hợp; Thiết bị đọc căn cước công dân làm thẻ thư viện</i>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
2.12	Triển khai lắp đặt hệ thống camera AI kiểm soát ra vào tại các điểm tham quan, di tích trên địa bàn tỉnh (<i>Di tích quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuật, Di tích lịch sử quốc gia Biệt điện Bảo Đại, Bảo tàng Đắk Lắk ...</i>)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
2.13	Xây dựng Hệ thống điều hành y tế thông minh	Sở Y tế	2027 - 2028	Bộ Y tế triển khai, hướng dẫn
2.14	Triển khai quản trị số nội bộ thông qua các nền tảng số, trợ lý ảo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao hiệu quả điều hành theo lộ trình phù hợp	Sở Công Thương	2027 - 2030	
2.15	Xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026-2030	
2.16	Triển khai hệ Thống tổng hợp thông tin báo cáo của ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Đắk Lắk	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.17	Ứng dụng hệ thống giá sát hành trình tàu cá để quản lý theo dõi vị trí, tốc độ, hướng đi của tàu để quản lý tàu cá cập cảng, rời cảng, đối chiếu nhật ký khai thác, nhật ký thu mua, chuyển tải thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.18	Ứng dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử thủy sản Việt Nam (e.CDT)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2.19	Triển khai lắp đặt hệ thống điều khiển máy bơm tự động qua mạng, hệ thống giám sát chất lượng Scada nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình cấp nước nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.20	Triển khai lắp đặt hệ thống giám sát, khai thác sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số 52/2025/BNMT.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.21	Triển khai thực hiện Dự án về ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát tài nguyên rừng tỉnh Đắk Lắk năm 2026.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.22	Xây dựng hệ thống bản đồ số chuyên đề và cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học rừng, các loài nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 -2030	
2.23	Triển khai ứng dụng công nghệ số trong quản lý và giám sát môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	
2.24	Xây dựng Trạm Quan trắc tự động chất lượng nước đầm vịnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
2.25	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; doanh nghiệp, hộ kinh doanh	UBND phường Cư Bao	2026	
2.26	Hệ thống Dashboad quản lý chung của địa phương	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
3.	Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCC			
3.1	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động áp dụng trí tuệ nhân tạo AI gắn với hoạt động chuyên môn	UBND các xã, phường	Thường xuyên	
3.2	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chuyển đổi số (ChatGPT) và áp dụng AI pháp luật	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
3.3	Thuê dịch vụ AI cho công chức, viên chức, người lao động để phục vụ công việc chuyên môn	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
3.4	Triển khai hệ thống Trợ lý ảo hỗ trợ Cán bộ công chức viên chức trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
3.5	Hệ thống Trợ lý ảo ngành giáo dục liên thông toàn ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
3.6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo (AI) trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của công chức, viên chức	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.7	Phần mềm AIChatbot trong thư viện hỗ trợ 24/7: Cho phép OCR, trích xuất dữ liệu dùng cho số hóa tài liệu; hỏi đáp tự động, sử dụng công nghệ AI, được training đặc thù cho từng thư viện để hỗ trợ sát nhất các yêu cầu của bạn đọc.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
3.8	Phần mềm ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI vào võ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
3.9	Phần mềm AI ứng dụng trong lĩnh vực phát hành phim và chiếu bóng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
3.10	Triển khai lớp tập huấn về Trí tuệ nhân tạo AI để hỗ trợ công chức tra cứu văn bản pháp luật, tìm kiếm thông tin, hỗ trợ ra quyết định.	Thanh tra tỉnh	2026	
3.11	Triển khai các ứng dụng AI nâng cao hiệu quả trong chẩn đoán hình ảnh y tế, phân tích hồ sơ bệnh án điện tử, phân tích và chẩn đoán từ các hình ảnh như: X-quang, MRI, CT scan, giúp các bác sĩ đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong điều trị.	Sở Y tế	2027 - 2028	Bộ Y tế triển khai, hướng dẫn
3.12	Triển khai Trợ lý AI về tư vấn chăm sóc sức khỏe để phân tích dữ liệu sức khỏe của người dân để dự đoán nguy cơ phát triển bệnh. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cá nhân hóa cho người có nguy cơ, người bệnh như: theo dõi tình trạng sức khỏe, đề xuất các phương pháp điều trị và quản lý chi phí chăm sóc sức khỏe.	Sở Y tế	2027 - 2028	Bộ Y tế triển khai, hướng dẫn
3.13	Triển khai ứng dụng AI nâng cao hiệu quả quản lý dịch bệnh: tổng hợp dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung đa ngành, đưa ra cảnh báo, tư vấn quản lý y tế cộng đồng, dịch bệnh.	Sở Y tế	2027 - 2030	Bộ Y tế triển khai, hướng dẫn
3.14	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2030	
3.15	Đào tạo, ứng dụng trợ lý ảo tư vấn, hỗ trợ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặt tại các Trung tâm hành chính công.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2028 - 2030	
VIII	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1.	Triển khai các hoạt động phát triển ngành, lĩnh vực			
1.1	Tiếp tục triển khai các nội dung về thương mại điện tử (các doanh nghiệp thực hiện ký số, hợp đồng điện tử, thuế điện tử, giới thiệu quảng bá sản phẩm trên sàn thương mại điện tử)	UBND các xã, phường	2026 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.2	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
1.3	Mô hình “Xã số” gắn với cải cách hành chính và dịch vụ công	UBND xã Ea Ning	2026	
1.4	Mô hình Nông nghiệp thông minh	UBND xã Phú xuân; phường Tân Lập; xã Ô Loan; xã Krông Năng; xã Phú Mỹ; phường Đông Hòa; xã Ea Drông; xã Hòa Phú; xã Dray Bhăng; xã Ea Rók; phường Buôn Ma Thuột; xã Tam Giang; xã Ea Ning	2026 - 2028	
1.5	Mô hình thôn, buôn thông minh	UBND xã Hòa Phú; xã Dray Bhăng; xã Tân Tiến; xã Ea Ning	2026 - 2027	
1.6	Mô hình “Khu dân cư số” - giao dịch không tiền mặt	UBND phường Tân An; xã Ea Ning	2026	
1.7	Tổ chức chương trình “Ngày hội kinh tế số cộng đồng”	UBND phường Tân An; xã Ea Ning	2026	
1.8	Mô hình “Làng thương mại điện tử Đông Hòa”	UBND phường Đông Hòa	2026 - 2030	
1.9	Xây dựng phân hệ lắng nghe người dân trên app Đắc Lắc Số	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
1.10	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
1.11	Triển khai chương trình thương mại điện tử, thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, khuyến khích phát triển các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Sở Công Thương	2026	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.12	Triển khai mô hình giáo dục thông minh thí điểm	Sở Giáo dục và Đào tạo	2027 - 2029	
1.13	Xây dựng ứng dụng tuyên truyền, quản lý sự kiện nội bộ tích hợp AI	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
1.14	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản có liên quan trên môi trường mạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
1.15	Chiến lược truyền thông số du lịch tỉnh Đắk Lắk	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
1.16	Phim 3D mapping Khám phá di tích Quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột bằng công nghệ thực tế ảo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026	
1.17	Trang bị và vận hành thiết bị số để quảng bá du lịch tại một số khu, điểm, khách sạn lớn và tranh điện (hình ảnh các danh lam, thắng cảnh, vẻ đẹp con người, thiên nhiên....)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
1.18	Đầu tư thiết bị và phần mềm vận hành các quầy thông tin du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
1.19	Xây dựng, triển khai ứng dụng IoT tại một số khu điểm du lịch trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác dự báo, đo lường và hỗ trợ ra quyết định	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
1.20	Xây dựng “Bản đồ số nông sản, sản phẩm OCOP, du lịch thôn buôn” hoạt động trên nền tảng số tỉnh Đắk Lắk	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	Quyết định 02239/QĐ-UBND
1.21	Xây dựng “Hệ thống quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	Quyết định 02239/QĐ-UBND
1.22	Xây dựng và ứng dụng công nghệ 4.0 để quản lý vùng nuôi và lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển của tỉnh Đắk Lắk	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Kế hoạch 0100/KH-UBND ngày 28/10/2025
1.23	Triển khai thực hiện Dự án về ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát tài nguyên rừng tỉnh Đắk Lắk năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
2.	Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số			
2.1	Tập huấn phát triển hạ tầng số cho doanh nghiệp; hộ kinh doanh, hỗ trợ phần mềm số hoá quy trình tài chính cho doanh nghiệp	UBND phường Cư Bao; xã Cuôr Đăng; phường Tân An; xã Hòa Xuân; xã Ea Súp;	2026	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		xã Ea Kiết; xã Ia Lốp; xã Quảng Phú		
2.2	Hỗ trợ dự án khởi nghiệp	UBND xã Phú Xuân; phường Tân Lập; xã Ô Loan; xã Krông Năng; phường Đông Hoà; xã Ea Drông; xã Ea Ktur; xã Dur Kmăl; xã Ea Rók; xã Ea Drăng; phường Thành Nhất; phường Tuy Hòa; xã Tân Tiến; phường Buôn Ma Thuột; xã Tam Giang	2026 - 2030	
2.3	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số	UBND các xã, phường	2026 - 2027	
2.4	Hướng dẫn triển khai cho các Doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn xã xây dựng trang thông tin điện tử (Website)	UBND xã Sơn Thành; xã Tân Tiến	2026	
2.5	Xây dựng, tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
2.6	Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch áp dụng các phần mềm, hệ thống quản trị doanh nghiệp trên các thiết bị thông minh, các sản phẩm, ứng dụng công nghệ 3D, AR, VR 360° về điểm đến du lịch; thẻ thông tin du lịch; ứng dụng quét mã thông tin (QR code)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2030	
2.7	Hỗ trợ đào tạo, trang bị kỹ năng số cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong việc tiếp cận, khai thác các nền tảng số của ngành.	Sở Công Thương	2026 - 2030	
2.8	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) thực hiện chuyển đổi số trong quy trình sản xuất và kinh doanh.	Sở Công Thương	2026 - 2030	
2.9	Phát triển hệ thống hạ tầng logistics số, kho bãi thông minh và ứng dụng công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng hàng hóa.	Sở Công Thương	2027 - 2030	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.	Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của chữ ký số công cuộc chuyển đổi số			
3.1	Tập huấn, hướng dẫn nâng cao kỹ năng số cho người dân, tổ công nghệ số cộng đồng	UBND các xã, phường	Thường xuyên	
3.2	Tuyên truyền bằng áp phích, panô, tờ rơi; chuyên trang, chuyên mục trên Trang thông tin điện tử, Zalo OA. Hội nghị về lợi ích của chữ ký số, kỹ năng sử dụng chữ ký số, bảo mật tài khoản cá nhân, và giao dịch thanh toán điện tử an toàn.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	
3.3	Triển khai chữ ký số trong học bạ số ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
IX	NHIỆM VỤ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN			
1	Tổ chức cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
2	Sửa chữa trang thiết bị Trung tâm tích hợp dữ liệu (tại số 08 Lý Thái Tổ)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
3	Hoạt động tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	
4	Tập huấn nâng cao nhận thức chuyển đổi số, ứng dụng AI trong quản lý/dạy học; tổ chức chương trình “Giáo viên nông cốt chuyển đổi số và an toàn thông tin”	Sở Giáo dục và Đào tạo	2026	
5	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, diễn tập an toàn thông tin cho cán bộ, giáo viên, học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thường xuyên	
6	Tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	Văn phòng UBND tỉnh	2026	
7	Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp phích, Truyền thanh cơ sở, Truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	
8	Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ cơ sở, người có uy tín...	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2030	
9	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc...	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2030	
10	Hội nghị tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, công nhân và học sinh trên địa bàn xã	UBND xã Quảng Phú	2026	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	Tổ chức tuyên truyền; tuần lễ chuyển đổi số	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
12	Tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền (áp phích, video, tờ rơi...)	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
13	Xây dựng bảng thông tin điện tử (Led) ngoài trời để tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của xã, phường	UBND các xã, phường	2026 - 2030	
14	Tổ chức chiến dịch truyền thông “Toàn dân cùng chuyển đổi số” gắn với phong trào “Bình dân học vụ số”; tuyên truyền qua loa truyền thanh, mạng xã hội và hội nghị thôn, buôn, tổ dân phố	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	
15	Tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, nâng cao nhận thức của người dân, cán bộ công chức để phòng tránh trường hợp để những hành vi lừa đảo trực tuyến	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	
16	Xây dựng chuyên mục “Phường số - Công dân số” trên các kênh truyền thông của phường để phản ánh các mô hình, cá nhân điển hình, lan tỏa phong trào chuyển đổi số cơ sở	UBND phường Buôn Hồ	2026	